

Bản án số: 151/2022/DS-PT

Ngày: 16/8/2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thắm.

*Các Thẩm phán:*

Ông Lê Xuân Hải.

Ông Phan Minh Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Duy Phương là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Lữ Thị Xuân Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 55/2022/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 152/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Hữu Tr, sinh năm 1953; cư trú tại: Thôn X, xã H, huyện H, Bình Định (có mặt);

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Hữu Tr:* Ông Phạm Minh V – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Định (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Trọng Th, sinh năm 1958 (có mặt)

2. Ông Hồ Văn L, sinh năm 1953 (có mặt)

3. Ông Hồ Văn Ng, sinh năm 1963 (có mặt)

Cư trú tại: Xóm N, thôn S, xã N, huyện H, Bình Định.

4. Ông Trần Ng1 (chết)

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Ng:

- Bà Võ Thị Lệ C, sinh năm 1946 ( có mặt)
- Anh Trần Quang H, sinh năm 1983 ( vắng mặt)

Cư trú tại: Xóm N, thôn S, xã N, huyện H, Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện H

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Kh – Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn V – Phó Chánh văn phòng HĐND – UBND huyện H (Văn bản ủy quyền ngày 09/8/2021) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Ủy ban nhân dân xã H

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh Kh – Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Th – Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 21/9/2021) (có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm: 1957 (vắng mặt)

4. Chị Lê Thị L, anh Lê Trung T, anh Lê Tr, chị Lê Thị Hồng Ch (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Thôn X, xã H, huyện H, Bình Định.

5. Chị Lê Thị Như Th2; cư trú tại: Thôn N, xã N, huyện H, Bình Định (vắng mặt).

6. Chị Lê Thị Ánh Tr; Cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của chị Th, anh T, anh Th, chị Ch, chị Th, chị Tr là ông Lê Hữu Tr - Sinh năm: 1953; Cư trú tại: Thôn X, xã H, huyện H, Bình Định (có mặt)

7. Bà Nguyễn Thị L, bà Trương Thị H, bà Nguyễn Thị H (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Thôn N, xã N, huyện H, Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Trọng Th, ông Hồ Văn Ng, ông Hồ Văn L, bà Võ Thị Lệ C, anh Trần Quang H là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Lê Hữu Tr trình bày:*

Năm 2002, gia đình ông khai hoang và canh tác diện tích đất tại thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định để trồng hoa màu, sau đó trồng cây đào và 3.000 cây keo. Đến ngày 14/12/2006, ông được Ủy ban nhân dân huyện H giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân để sản xuất lâm nghiệp theo Quyết định số 1323/QĐ-UBND. Trong năm 2006, ông khai thác keo đồng thời phát dọn chặt phá một số cây đào, trồng thêm cây keo. Đến ngày 30/02/2013, ông được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH00199 đối với thửa đất số 493, tờ bản đồ số 01 (khoảnh 5 – Tiểu khu 127), diện tích 18.800m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất thuộc thôn X, xã H, huyện H, Bình Định. Đến năm 2014, sau khi ông khai thác keo, phát dọn trồng lại thì các ông Nguyễn Trọng Th, Hồ Văn L, Trần Ng, Hồ Văn N cản trở không cho ông tiếp tục trồng keo. Sau đó, các ông này trồng keo trên đất của ông.

Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu buộc ông Th, ông L, ông Ng, bà C, ông H là vợ và con của ông Ng (chết) phải chặt phá toàn bộ số cây keo đã trồng trả lại diện tích đất cho ông. Ông thống nhất về diện tích đất, số lượng cây keo, giá trị tài sản trên đất theo biên bản định giá tài sản ngày 30/10/2020. Ông tự nguyện rút yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm mà trước đây ông có yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Trọng Th, ông Hồ Văn L, ông Hồ Văn Ng, ông Trần Ng, đồng trình bày:*

Thửa đất đang tranh chấp là do các ông khai hoang đất rẫy để trồng cây mì, cây đào. Đến khi đất bạc màu, các ông bỏ hoang không canh tác cho đến năm 1997. Thời gian các ông không canh tác thì ông Tr chiếm đất của các ông để trồng cây, các ông ngăn cản nhưng ông Tr vẫn tiếp tục làm. Mặc dù đất chưa được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất cho các ông nhưng các ông đã khai hoang, sử dụng và canh tác đất từ năm 1976 đến năm 2013. Nay ông Tr khởi kiện yêu cầu các ông trả lại đất các ông không đồng ý.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Bà Nguyễn Thị Th và đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Lệ Th1, Lê Trung T, Lê Trung Th3, Lê Thị Hồng C, Lê Thị Như Th, Lê Thị Ánh Tr là ông Lê Hữu Tr trình bày: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn.

- Bà Nguyễn Thị H trình bày: Thống nhất ý kiến của chồng bà là ông Nguyễn Trọng Th.

- Bà Nguyễn Thị L trình bày: Thống nhất ý kiến của chồng bà là ông Hồ Văn L.

- Bà Trương Thị H trình bày: Thống nhất ý kiến của chồng bà là ông Hồ Văn Ng.

- Ông Huỳnh Văn V đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện H trình bày: Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

đổi thửa đất số 493, tờ bản đồ số 01 (khoảnh 5 – Tiểu khu 127), diện tích 18.800m<sup>2</sup> tại thôn X, xã H, huyện H, Bình Định có số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00199 ngày 30/02/2013 cho ông Lê Hữu Tr có là đúng quy định. Các ông Nguyễn Trọng Th, Hồ Văn L, Trần Ng, Hồ Văn N lấn chiếm, sử dụng, cản trở quyền sử dụng đất của ông Lê Hữu Tr là không đúng quy định.

Diện tích đo đạc thực tế so với diện tích đất mà ông Tr được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 7.335,5m<sup>2</sup> là do Nhà nước quản lý. Nếu người nào đang sử dụng ổn định ranh giới và không có tranh chấp với các hộ có đất liền kề thì được tiếp tục sử dụng. Nếu có nhu cầu điều chỉnh thì tự liên hệ làm thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích tăng thêm.

- Ông Trần Văn Th đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã H trình bày: Ông thống nhất như lời trình bày của đại diện UBND huyện H.

*Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2022/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Nguyễn Trọng Th phải chặt phá, thu dọn toàn bộ số cây keo trồng trên diện tích đất 4.584,3m<sup>2</sup>; ông Hồ Văn L phải chặt phá, thu dọn toàn bộ số cây keo trồng trên diện tích đất 2.939,5m<sup>2</sup>; ông Hồ Văn Ng phải chặt phá, thu dọn toàn bộ số cây keo trồng trên diện tích đất 3.508,3m<sup>2</sup>; bà Võ Thị Lệ C, anh Trần Quang H phải chặt phá, thu dọn toàn bộ số cây keo trồng trên diện tích đất 3.656,5m<sup>2</sup> để trả lại toàn bộ diện tích đất mà các bị đơn đã lấn chiếm, sử dụng trồng cây keo lai trên thửa đất số thửa đất số 493, tờ bản đồ số 01 (khoảnh 5 – Tiểu khu 127), diện tích 18.800m<sup>2</sup> tọa lạc tại thôn X, xã H, huyện H, Bình Định.

- Ông Lê Hữu Tr, bà Nguyễn Thị Th được thực hiện quyền sử dụng diện tích đất theo đo đạc thực tế 26.135,5m<sup>2</sup> tại thửa đất số 493, tờ bản đồ số 01 (khoảnh 5 – Tiểu khu 127); có giới cận: Phía Đông giáp đất ông N và đường đi, Đông Bắc giáp đất bà L, Tây Bắc giáp đất ông Ph, đất bờ sông; Tây Nam giáp đất Ủy ban nhân dân xã quản lý; Phía Nam giáp đất ông Th; Phía Bắc giáp đất ông H, ông D, ông B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00199 ngày 30/02/2013 của Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông Lê Hữu Tr và bà Nguyễn Thị Th.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, bị đơn ông Nguyễn Trọng Th, ông Hồ Văn Ng, ông Hồ Văn L, bà Võ Thị Lệ C, anh Trần Quang H kháng cáo không đồng ý trả lại đất cho ông Lê Hữu Tr.

Tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo với nội dung như trên.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, nguyên đơn đồng ý nhận khai thác toàn bộ số cây keo do các bị đơn trồng và thổi lại giá trị cây cho các bị đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm về phần án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện theo ủy quyền của UBND huyện H ông Huỳnh Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các bị đơn là ông Nguyễn Trọng Th, ông Hồ Văn Ng, ông Hồ Văn L, bà Võ Thị Lệ C và anh Trần Quang H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Thửa đất số 493, tờ bản đồ số 01 (khoảnh 5 – Tiểu khu 127), diện tích 18.800m<sup>2</sup>, theo đo đạc thực tế diện tích là 26.135,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định là do hộ ông Lê Hữu Tr khai hoang, sử dụng trồng cây đào và cây keo từ năm 2002. Đến ngày 28/2/2006, ông Lê Hữu Tr có đơn xin giao đất lâm nghiệp để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp. Ngày 14/12/2006, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định 1323/QĐ-UBND về việc giao đất lâm nghiệp cho hộ ông Lê Hữu Tr để sản xuất lâm nghiệp đối với diện tích đất nêu trên. Đến ngày 30/02/2013 Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 493, tờ bản đồ số 01 (khoảnh 5 – Tiểu khu 127), diện tích 18.800m<sup>2</sup> cho hộ ông Lê Hữu Tr tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH00199. Từ năm 2002 đến năm 2013, hộ ông Tr sử dụng ổn định, liên tục và không có tranh chấp đối với diện tích đất nêu trên.

[2.2] Mặc khác, Ủy ban nhân dân huyện H đã xác nhận trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Hữu Tr là đúng quy định pháp luật. Việc ông Nguyễn Trọng Th, ông Hồ Văn Ng, ông Hồ Văn L, bà Võ Thị Lệ C và anh Trần Quang H khai rằng diện tích đất đang tranh chấp

là do các ông bà khai hoang và sử dụng từ năm 1976 đến năm 2011 nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh là diện tích đất nói trên là của các ông, bà. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.3] Tuy nhiên, diện tích đất được cấp quyền sử dụng cho hộ ông Lê Hữu Tr tại thửa đất số 493 là  $18.800\text{m}^2$ , nhưng theo đo đạc thực tế diện tích là  $26.135,5\text{m}^2$ , tăng  $7.335,5\text{m}^2$  so với diện tích được cấp. Phần diện tích tăng này theo quan điểm của UBND huyện H và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện cho UBND xã H đều cho rằng đối với diện tích tăng hiện hộ ông Tr đang sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các hộ liền kề thì được tiếp tục sử dụng, nếu có nhu cầu điều chỉnh cho phù hợp với diện tích thực tế thì liên hệ với cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích tăng. Như vậy, diện tích  $7.335,5\text{m}^2$  đất tăng chưa được cấp có thẩm quyền giao đất là UBND huyện H giao cho ông Tr sử dụng nhưng án sơ thẩm lại tuyên giao luôn  $7.335,5\text{m}^2$  đất tăng cho ông Lê Hữu Tr sử dụng là không đúng thẩm quyền. Do đó, Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm là tạm giao  $7.335,5\text{m}^2$  đất tăng nằm trong thửa đất số 493, tờ bản đồ số 01 (khoảnh 5 – Tiểu khu 127), cho hộ ông Lê Hữu Tr tạm thời sử dụng; nếu hộ ông Tr có nhu cầu điều chỉnh diện tích đất cho phù hợp với diện tích đất thực tế thì liên hệ với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2.4] Đối với tài sản là cây keo của các bị đơn có trên đất, tại phiên tòa hôm nay các bị đơn đều không yêu cầu định giá lại mà lấy giá theo biên bản định giá ngày 30/10/2020. Việc các bị đơn trồng keo trên đất đã cấp quyền cho nguyên đơn là không hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tr nhận khai thác toàn bộ số cây keo của các bị đơn đã trồng và thối lại giá trị cây keo cho các bị đơn. Vì vậy, để đảm bảo cho việc thi hành án nên giao toàn bộ số cây keo mà các bị đơn đã trồng trên đất cho ông Tr, bà Th sử dụng và ông bà phải thối lại tiền theo biên bản định giá ngày 30/10/2020 cho các bị đơn cụ thể là: Ông Nguyễn Trọng Th 12.824.000 đồng, ông Hồ Văn L 8.218.000 đồng, ông Hồ Văn Ng 9.814.000 đồng, bà Võ Thị Lệ C và anh Trần Quang H 10.234.000 đồng.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của các bị đơn ông Nguyễn Trọng Th, ông Hồ Văn Ng, ông Hồ Văn L, bà Võ Thị Lệ C và anh Trần Quang H. Sửa bản án sơ thẩm đối với nội dung giải quyết diện tích đất tăng so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xử lý tài sản là các cây keo của các bị đơn trồng trên đất.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Ông Hồ Văn Ng là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông Hồ Văn Ng được miễn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Hồ Văn Ng phải chịu 1.534.000 đồng án phí là không đúng. Do đó, Hội đồng xét xử sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên buộc anh Trần Quang H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên buộc anh Trần Quang H phải chịu 200.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Trọng Th, ông Hồ Văn Ng, ông Hồ Văn L, bà Võ Thị Lệ C và anh Trần Quang H không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu luận cứ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ các Điều 158, 163, 164, 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;*

*Căn cứ các Điều 4, 5, 166, 170 Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ các Điều 24, 27 Pháp lệnh 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;*

*Căn cứ Điều 12, 29, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị đơn.

Sửa bản án sơ thẩm số 55/2021/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hữu Tr.

2. Hộ ông Lê Hữu Tr và bà Nguyễn Thị Th được trọn quyền sử dụng 18.800m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 493, tờ bản đồ số 01 (khoảnh 5 – Tiểu khu 127), tọa lạc tại thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho hộ ông Lê Hữu Tr và bà Nguyễn Thị Th tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH00199 ngày 30/02/2013.

3. Tạm giao 7.335,5m<sup>2</sup> đất nằm trong thửa đất số 493, tờ bản đồ số 01 (khoảnh 5 – Tiểu khu 127) tọa lạc tại thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định cho hộ ông Lê Hữu Tr và bà Nguyễn Thị Th tạm thời sử dụng.

4. Buộc ông Nguyễn Trọng Th, ông Hồ Văn L, ông Hồ Văn Ng, bà Võ Thị Lệ C và anh Trần Quang H phải giao toàn bộ số cây keo đã trồng trên thửa đất số 493, tờ bản đồ số 01 (khoảnh 5 – Tiểu khu 127) cho ông Lê Hữu Tr và bà Nguyễn Thị Th trọn quyền sử dụng. Ông Lê Hữu Tr và bà Nguyễn Thị Th phải liên đới bồi lại giá trị các cây keo có trên đất cho các bị đơn cụ thể là: Ông Nguyễn Trọng Th 12.824.000 đồng (mười hai triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn đồng), ông Hồ văn L 8.218.000 đồng (tám triệu hai trăm mười tám nghìn đồng), ông Hồ Văn Ng 9.814.000 đồng (chín triệu tám trăm mười bốn nghìn đồng), bà Võ Thị Lệ C và anh Trần Quang H 10.234.000 đồng (mười triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

5. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự:

5.1. Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 12.176.895 đồng (mười hai triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng). Ông Nguyễn Trọng Th; ông Hồ Văn Ng; ông Hồ Văn L; mỗi người phải chịu 2.440.000 đồng (hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Bà Võ Thị Lệ C và anh Trần Quang H phải liên đới chịu 2.440.000 đồng (hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Ông Lê Hữu Tr đã tạm ứng nên ông Th, ông Ng, ông L, mỗi người phải hoàn trả cho ông Lê Hữu Tr 2.440.000 đồng (hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Bà C và anh H phải liên đới hoàn trả cho ông Lê Hữu Tr 2.440.000 đồng (hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) .

5.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Quang H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Hoàn trả lại cho ông Lê Hữu Tr 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 00107 ngày 09/6/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

5.3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Trọng Th, ông Hồ Văn Ng, ông Hồ Văn L, bà Võ Thị Lệ C và anh Trần Quang H không phải chịu.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ



ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

6.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Đỗ Thị Thắm**